

Số: 3360 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc
gặp khó khăn do đại dịch COVID-19**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân
sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ
về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó
khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao
động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh về việc
triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ.
Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy
định về thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao
động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 136/TTr-SLĐTBXH ngày 26 tháng 8 năm 2021; của Chủ tịch UBND
thành phố Thanh Hóa tại Tờ trình số 854/TTr-UBND ngày 20 tháng 8 năm
2021 và Tờ trình số 871/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 (kèm theo hồ sơ
liên quan).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Quyết
định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ,
cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Thanh Hóa:

- Tổng số: 25 người.
- Mức hỗ trợ: Theo Điều 18 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tổng kinh phí hỗ trợ: 33.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng*).
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh được hỗ trợ.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: UBND thành phố Thanh Hóa chủ động sử dụng nguồn dự phòng các cấp (huyện, xã), nguồn cải cách tiền lương còn dư và các nguồn huy động hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Mục III Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài chính đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ; chịu trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện việc thanh, quyết toán đảm bảo theo quy định.

2. UBND thành phố Thanh Hóa:

a) Chủ động cân đối ngân sách địa phương theo khoản 2 mục III của Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh để thực hiện hỗ trợ kịp thời các nội dung hỗ trợ tại các khoản 4, 5, 7, 10, 12 mục II của Kế hoạch. Trường hợp sau khi sử dụng hết các nguồn lực theo hướng dẫn vẫn thiếu nguồn thực hiện chính sách, các đơn vị, địa phương khẩn trương tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính để tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung nguồn kinh phí theo quy định.

b) Khẩn trương thực hiện việc chi trả, thanh quyết toán kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định. Yêu cầu việc thực hiện hỗ trợ phải đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng mức hưởng, công khai, minh bạch; tuyệt đối không để xảy ra việc lợi dụng, trục lợi chính sách.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về tính chính xác của kết quả thẩm định đối tượng, hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng và công tác chi trả theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổng hợp danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT. VX.Ldhotr154

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

**Phụ lục: DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ
DO GẶP KHÓ KHĂN BỒI ĐẠI DỊCH COVID-19**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Số CMT/Thẻ CCCD	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại HDLĐ	Số sổ BHXH	Thời gian ngưng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung				Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của NLĐ nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng)	Ghi chú	
							Đang mang thai	Thông tin con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng				
								Họ và tên	Năm sinh	Họ và tên				Số CMT/Thẻ CCCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Thành phố Thanh Hóa														
A	Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung													
1	Hoàng Mạnh Cường	038089004135	Phòng tiêu thụ	Không thời hạn	3816032670	10/07/2021 - 23/07/2021						1.000.000	1015999082 - Hoàng Mạnh Cường - SHB	
B	Công ty TNHH Giấy Sunjade Việt Nam													
1	Văn Thị Chiến	173823441	Đế	Không thời hạn	3814005453	21/06/2021 - 04/07/2021						1.000.000	Văn Thị Chiến - 3500205559309 - Agribank	
2	Văn Thị Trang	173845742	Lầu G	Không thời hạn	3814024918	06/05/2021 - 20/05/2021						1.000.000	Văn Thị Trang - 3500205593500 - Agribank	
3	Nguyễn Thị Xuân	173466744	Lầu C1	Không thời hạn	3809013344	07/08/2021 - 20/08/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Xuân - 3500205200237 - Agribank	
4	Lê Thị Yến	171543019	Kho	Không thời hạn	3810011931	07/08/2021 - 20/08/2021						1.000.000	Lê Thị Yến - 3500205276607 - Agribank	
5	Văn Thị Phương	173473318	Lầu G	Không thời hạn	3811017770	07/08/2021 - 20/08/2021						1.000.000	Văn Thị Phương - 3500205399144 - Agribank	
6	Mai Thị Diệu	173037660	Lầu G	Không thời hạn	3812026717	07/08/2021 - 20/08/2021						1.000.000	Mai Thị Diệu - 3500205498210 - Agribank	

TT	Họ và tên	Số CMT/Thẻ CCCD	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại HĐLĐ	Số sổ BHXH	Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung				Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của NLD nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng)	Ghi chú	
							Đang mang thai	Thông tin con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng				
								Họ và tên	Năm sinh	Họ và tên				Số CMT/Thẻ CCCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Phạm Thị Ngọc	173811441	QC	Không thời hạn	3811004783	07/08/2021 - 20/08/2021		1. Đới Thị Thanh Trúc; 2. Đới Văn Nhân	2018 2020	Đới Văn Định	038090011440	3.000.000	Phạm Thị Ngọc - 3500205377692 - Agribank	
C	Công ty TNHH Giấy Aleron Việt Nam													
1	Nguyễn Thị Minh	172037376	Xưởng vụ 4, Máy 4	XĐTH 36 tháng	3822739793	07/05/2021 - 27/05/2021		Huỳnh Ngọc Bảo An	2015	Huỳnh Ngọc Bình	173501298	2.000.000	Nguyễn Thị Minh - 030063719540 - Sacombank	
2	Tạ Thị Khuyến	038183005409	Xưởng vụ 2, Máy 21 Nhà C	Không XĐTH	3811004535	07/05/2021 - 27/05/2021						1.000.000	Tạ Thị Khuyến - 030061807930 - Sacombank	
3	Nguyễn Thị Xưởng	171484195	Kho công cụ/phòng keo	XĐTH 36 tháng	3822504124	07/05/2021 - 27/05/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Xưởng - 030061750092 - Sacombank	
4	Trịnh Thị Tuyết	038184001410	Xưởng vụ 3, Hoàn chỉnh 8	Không XĐTH	3813000335	09/05/2021 - 29/05/2021						1.000.000	Trịnh Thị Tuyết- 030061835683 - Sacombank	
5	Nguyễn Thị Trung	038186013943	Đế gia công, chuyên dán 8	XĐTH 36 tháng	3811025364	13/05/2021 - 05/06/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Trung - 030063718501 - Sacombank	
6	Nguyễn Huy Quyền	038083008898	Đế gia công, chuyên dán 15	XĐTH 36 tháng	3816040901	13/05/2021 - 05/06/2021						1.000.000	Nguyễn Huy Quyền - 030062197151 - Sacombank	

TT	Họ và tên	Số CMT/Thẻ CCCD	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại HDLĐ	Số sổ BHXH	Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung				Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của NLD nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng)	Ghi chú	
							Đang mang thai	Thông tin con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng				
								Họ và tên	Năm sinh	Họ và tên				Số CMT/Thẻ CCCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Nguyễn Thị Tinh	038179009042	Xưởng vụ 3, Hoàn chỉnh 5	Không XĐTH	3811004459	27/05/2021 - 09/06/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Tinh - 030061834717 - Sacombank	
8	Cao Thị Doan	038175006891	Xưởng vụ 3, Hoàn chỉnh 6	Không XĐTH	7410016820	01/06/2021 - 19/06/2021						1.000.000	Cao Thị Doan - 030061836264 - Sacombank	
9	Lê Thị Phuong	171650077	Đế gia công, chuyên dán 1	Không XĐTH	9613002709	04/06/2021 - 17/06/2021						1.000.000	Lê Thị Phuong - 030061767319 - Sacombank	
10	Phạm Thị Hải	171650059	Xưởng vụ 1, Cao tần B	Không XĐTH	3811019842	04/06/2021 - 17/06/2021						1.000.000	Phạm Thị Hải - 030061766118 - Sacombank	
11	Nguyễn Thị Dân	171189478	Đế, Cắt viên C	XĐTH 36 tháng	3822587681	23/06/2021 - 07/07/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Dân - 030073638530 - Sacombank	
12	Vũ Thị Phuong	038302020280	Pha cắt thủ công 4	XĐTH 36 tháng	3821727516	03/07/2021 - 18/07/2021						1.000.000	Vũ Thị Phuong - 030076603290 - Sacombank	
13	Nguyễn Thị Thảo	174553191	Đế, Cắt viên C	XĐTH 36 tháng	7513017256	05/07/2021 - 18/07/2021	1	Lê Thị Minh Châu	2015	Lê Văn Thành	172779768	3.000.000	Nguyễn Thị Thảo - 030061776695 - Sacombank	
14	Sầm Thị Huyền	186952812	Xưởng vụ 2, Máy 4 Nhà A	XĐTH 36 tháng	4022544612	08/07/2021 - 21/07/2021						1.000.000	Sầm Thị Huyền - 030061776172 - Sacombank	

TT	Họ và tên	Số CMT/Thẻ CCCD	Phòng ban, phân xưởng làm việc	Loại HDLĐ	Số sổ BHXH	Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Thông tin về đối tượng hỗ trợ bổ sung				Số tiền hỗ trợ (đồng)	Tài khoản của NLĐ nhận hỗ trợ (Tên TK, số TK, ngân hàng)	Ghi chú	
							Đang mang thai	Thông tin con dưới 06 tuổi		Thông tin của vợ hoặc chồng				
								Họ và tên	Năm sinh	Họ và tên				Số CMT/Thẻ CCCD
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Nguyễn Thị Chuyên	038182006799	Kho nguyên liệu	XĐTH 36 tháng	3812000647	12/07/2021 - 25/07/2021						1.000.000	Nguyễn Thị Chuyên - 030061771766 - Sacombank	
16	Nguyễn Thị Hạnh	172102056	Xưởng vụ 2 , May 3 Nhà A	XĐTH 36 tháng	3815024540	18/07/2021 - 31/07/2021		Trần Nguyễn Gia Hoàng	2019	Trần Văn Đá	087088000199	2.000.000	Nguyễn Thị Hạnh - 030061783403 - Sacombank	
17	Phạm Văn Hoài	038094009705	Hoàn chính	XĐTH 36 tháng	3822474215	18/07/2021 - 31/07/2021		1. Phạm Bình Minh Hiếu; 2. Phạm Minh Khoa	2017 2021	Phạm Thị Hoa	038198005785	3.000.000	Phạm Văn Hoài - 030061762171 - Sacombank	
	TỔNG CỘNG											33.000.000		